

HỒ BIỂU CHÁNH VỚI TIẾN TRÌNH TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Nguyễn Q. Thắng

I. VÀI NÉT VỀ CUỘC ĐỜI NHÀ VĂN HỒ BIỂU CHÁNH (1884 – 1958)

Hồ Biểu Chánh là nhà văn tiên phong của miền Nam, tên thật là Hồ Văn Trung, tự là Biểu Chánh, hiệu Thứ Tiên. Con ông Hồ Văn Tạo, anh ruột hai nhà văn, nhà báo Viên Hoàng Hồ Văn Hiến (1900-1957) và Thất Lang Hồ Văn Lang. Ông sinh năm 1884 (nhưng trong hộ tịch ghi nhỏ hơn một tuổi 1-10-1885) tại làng Bình Thành, tỉnh Gò Công (nay thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang). Khi viết văn ông lấy tên tự ghép với họ viết là HỒ BIỂU CHÁNH và trở thành một bút danh bất hủ trong làng văn Việt Nam, được nhiều người biết và quý mến hơn tên tộc HỒ VĂN TRUNG của ông trên cương vị một Đốc phủ sứ vì có lúc ông là một chính khách trong chính phủ Nam Kỳ tự trị hồi năm 1946 do Nguyễn Văn Thinh (1888-1946) làm thủ tướng.

Xuất thân trong một gia đình làm ruộng nghèo tại Gò Công, thuở nhỏ học ở trường làng, trường Trung học Mỹ Tho. Sau vì học giỏi có học bổng lên học tại trường Chasseloup-Laubat Sài Gòn, cuối năm 1905 đậu bằng Thành Chung (Diplôme l'Etude primaire supérieures).

Năm 1906 bắt đầu làm Kí lục, Thông ngôn, thăng dần đến Đốc phủ sứ, từng giữ chức Chủ Quận (quận trưởng) ở nhiều nơi thuộc Miền Tây Nam bộ. Khi làm quan, ông nổi tiếng thanh liêm, yêu dân, thương người nghèo khổ. Năm 1936, làm việc đủ 30 năm nên xin về hưu trí, nhưng mãi đến năm 1941 mới chính thức được thôi việc. Nhưng đến ngày 4-8-1941 bị Pháp triệu thỉnh làm Nghị viên thành phố Sài Gòn với chức vụ Phó Đốc lí (tức Phó Đô trưởng) trông coi về bộ đời người Á Đông.

Sau Cách Mạng Tháng Tám, có lúc vì nể tình bạn ông làm Đổng lí văn phòng cho Thủ tướng Nguyễn Văn Thinh. Sau khi Nguyễn Văn Thinh bị Pháp lừa gạt nên tự tử, ông mới thông thả trở về nguyên quán Gò Công, an phận với tuổi văn niên chuyên sống với nghiệp văn chương.

Ông sáng tác văn học rất nhiều và để đời hơn 60 quyển tiểu thuyết và nhiều thể loại khác như: Thơ, Bài nghiên cứu, phê bình văn học, sáng tác tuồng hát cùng các bản dịch văn chương cổ điển Trung Quốc như *Tình sử*, *Kim cổ ki quan*...

Năm 1955 ông lên Sài Gòn sống và tiếp tục nghiệp văn. Tuổi già sức yếu ông mất tại Phú Nhuận, Gia Định ngày 4-11-1958, hưởng thọ 74 tuổi.

Nhà thơ Đông Hồ (1906-1969) có câu đối điệu ông, ghép toàn các nhan sách tiểu thuyết của ông:

“*Cay đắng mùi đời, con nhà nghèo, con nhà giàu*”, tác phẩm viết trăm lẽ năm thiên, vì nghĩa vì tình, ngọn cỏ cứng gió đùa, tình mộng mấy ai làm được;

“*Cang thường nặng gánh, cơn khóc thảm, cơn cười gượng, thanh cần trái bảy mươi bốn tuổi, thiệt giả giả thiệt, vườn văn xưa ghé mắt, đoạn tình còn ở theo thời.*”

Các nhà phê bình văn học, đa số đều phiến trách cuộc đời chính trị cuối đời của Đốc phủ Hồ Văn Trung, nhưng không ai phủ nhận công sức đóng góp cho văn học Việt Nam của nhà văn Hồ Biểu Chánh.

Nhà phê bình Thiều Sơn (1908-1978) khi viết về *Bài học Hồ Biểu Chánh* ngoài việc phân tích đúng đắn cuộc đời chính trị và văn chương của ông, nhận xét:” Tôi kinh ngạc khi được đọc lần đầu tiên một cuốn tiểu thuyết của cụ (chỉ Hồ Biểu Chánh). Tôi không ngờ ở Miền Nam lại có một nhà văn hấp dẫn tới cỡ đó. Lời văn nhẹ nhàng, giản dị, nhiều khi có vẻ chất phác thật thà nhưng coi không chán, đọc không mỏi. Tả cảnh gọn gàng mà linh động, tả tình sâu sắc mà oái oăm. Câu chuyện không hoang đường vì phần nhiều là lấy trong đời sống của mọi người và đóng khung trong hoàn cảnh Việt Nam, nhất là ở miền quê Nam Bộ”.

II. BƯỚC ĐẦU CỦA TIỂU THUYẾT MIỀN NAM

Từ trước đến nay, khi nói đến lịch trình tiến hóa tiểu thuyết Việt Nam, hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng tiểu thuyết *Quả Dưa Đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật, (1833-1940) *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (1896-1973) là hai quyển mở đầu của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Nhận xét và cách nhìn này, cho đến nay vẫn được nhiều người thừa nhận. Do đó, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật, hoặc trong giới nghiên cứu, nhất là ở các trường Đại Học, tiểu thuyết *Tổ Tâm* được xem như một thời điểm nhất định về sự hình thành của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Đây là một tình trạng “bị bỏ quên” hoặc “bỏ rơi” đối với tiểu thuyết Việt Nam. Điều này được thấy rõ từ trước Cách mạng Tháng Tám cho đến gần đây. Ngay trong bộ *Tự điển Văn học*, dù được nhiều nhà nghiên cứu và giáo sư đại học biên soạn, cũng vẫn ở trong tình trạng này.

Sự thật ở miền Nam từ khi chữ Quốc ngữ được giới trí thức tiến bộ xem như một thứ “hồn trong nước” thì vai trò và tác dụng của tiểu thuyết có một ảnh hưởng rất lớn trong sinh hoạt văn hoá nước nhà. Đây là một mảng lớn trong lịch trình tiến hóa của văn học nghệ thuật mà giới nghiên cứu không nên bỏ qua hoặc bỏ quên trong sinh hoạt văn nghệ.

Hầu hết báo chí, tiểu thuyết hiện diện trong sinh hoạt nghệ thuật ở miền Nam từ năm 1887 ⁽¹⁾ đến năm 1930 không phải là văn học địa phương. Thật sự đây là một bộ phận của nền văn nghệ dân tộc được hình thành trong một thời điểm có nhiều biến cố trọng đại của lịch sử cận đại Việt Nam.

Từ khi thực dân Pháp chiếm Nam kì cho đến khi Phạm Thanh Giản (1796-1867) – một nhân vật cột trụ của triều đình Huế – uống thuốc độc tự tử, thì miền Nam gần như thoát li hẳn chính quyền trung ương (Huế). Nhưng cũng từ đó, miền Nam lại

nảy sinh ra nhiều sự kiện, nhiều hiện tượng mới trong sinh hoạt văn hóa. Đó là sự ra đời của tiểu thuyết viết bằng Chữ Quốc ngữ.

Trong văn học cổ Việt Nam bộ môn tiểu thuyết chưa có tác dụng và chỗ đứng vinh quang như trong văn chương hiện đại. Nhưng đến năm 1887, với sự ra đời quyển tiểu thuyết *Truyện thầy Lazaro Phiền* mà tác giả của nó đã khẳng định là “*kim thời tiểu thuyết*”, chính nó đã vạch ra được một thời điểm nhất định về sự hình thành của nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Chúng tôi cho đây là thời điểm về sự hình thành tiểu thuyết Việt Nam hiện đại, vì tác phẩm được tác giả viết theo thể thức của tiểu thuyết phương Tây (Pháp) hơn là loại tiểu thuyết cổ điển trung Quốc trong truyền thống tiểu thuyết Việt Nam. Truyền thống này được khởi đi từ “*Vũ trung tùy bút*”, cho đến tiểu thuyết lịch sử “*Hoàng Lê nhất thống chí*”, “*Trùng Quang tâm sử*”.

Đây là một thời điểm mà chúng ta không thể nào xóa bỏ, hoặc bỏ quên trong giai đoạn đầu của lịch trình tiến hóa tiểu thuyết cận đại Việt Nam. Lịch trình phát triển này được khởi đi từ các tiểu thuyết chương hồi viết bằng chữ Hán ở Đàng ngoài, cho đến thời kì các sách *Chuyện đời xưa*, *chuyến đi Bắc kì năm Ất Hợi* của Trương Vĩnh Kí (1837-1898), *Chuyện giải buồn...* của Huỳnh Tịnh Của (1834-1907). Giai đoạn này tác phẩm thành văn, câu văn, cách dựng truyện bắt đầu xa hẳn giọng văn biền ngẫu của cổ văn Trung Quốc, mà lời văn có tính cách hoàn toàn Việt Nam, nhất là cách nói “Miệt vườn” Nam bộ.

Cùng thời điểm này (1887), quyển tiểu thuyết “*Thầy Lazaro Phiền*” của Nguyễn Trọng Quản ra mắt công chúng, thì nó đã vạch ra được một thời điểm nhất định cho bước phát triển của tiểu thuyết Việt Nam. Vậy truyện “*Thầy Lazaro Phiền*” là *một tiểu thuyết viết bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên của lịch sử tiểu thuyết Việt Nam*⁽¹⁾. Thời điểm này khởi đi từ những năm chữ Quốc ngữ bắt đầu có mặt trong sinh hoạt văn hóa ở miền Nam với các tờ báo: *Gia đình báo*, *Phan Yên báo*... sự ra đời và lớn mạnh của chữ Quốc ngữ là cội rễ để bộ môn tiểu thuyết phát triển mà *Truyện Thầy Lazaro Phiền* là một kết quả khiêm nhường nhưng đích thực. Điều đó được thấy rõ qua nỗi ước mơ của các nhà văn tiên phong miền Nam thuở đó. Ước mơ ấy được Nguyễn Trọng Quản ghi vào lời đề tặng “*Diệp văn Cương và các thân hữu tại trường trung học ở Alger*”. Tác giả viết: “ Các bạn còn nhớ chẳng trên những lối đi ấy, miệng phì phèo điều thuốc bị cấm, chúng ta vừa sấn bước vừa thốt ra thành lời niềm mơ ước cho xứ Nam kì thân yêu của chúng ta một tương lai chói rạng ánh sáng tiến bộ và văn minh! Này các bạn! Mong rằng tác phẩm khiêm tốn mà tôi đề tặng các bạn đây là khởi điểm của sự thực hiện ước mơ ngày trước”. Và trong bài tựa tác giả cũng nhấn mạnh:

“Tôi có một dụng ý lấy tiếng thường mọi người hằng nói ra làm một truyện hầu cho kẻ sau coi mà bày đặt cùng in ra ít nhiều truyện hay; trước là làm cho con trẻ ham vui mà tập đọc, sau là làm cho dân các xứ biết rằng: người An nam sánh trí, sánh tài thì cũng chẳng thua ai”.

Hoài bão, ước mơ đó của các nhà văn miền Nam thưở ấy không phải là những ước mơ hảo huyền. Thật sự đây là niềm mơ ước chung của mọi người, mọi giới mà giới trí thức đã nói thay, làm thay cho mọi người. Cuối cùng ước mơ ấy được thể hiện một cách sinh động bởi những công trình sáng tác và trước tác của những nhà văn đi trước như Trương Vĩnh Kí, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Chánh Sắt, Trương Duy Toàn, Trần Chánh Chiêu và Hồ Biểu Chánh là một khuôn mặt lớn của nền tiểu thuyết hiện đại Việt Nam nói chung và miền Nam nói riêng. Những nhà văn này, dù muốn dù không, họ đều được đào tạo từ cái học truyền thống Việt Nam cùng nền giáo dục phương Tây (Pháp) nhưng không phải vì vậy mà họ hoàn toàn quay lưng hoặc chống lại nền giáo dục truyền thống Việt Nam. Những người đó đã làm việc với Pháp, nhưng họ không phải là một thứ tay sai thuần túy hoặc làm nô lệ hoàn toàn cho thực dân. Đọc kĩ lại tiểu sử, cuộc đời các nhân vật trên, chúng ta thấy họ là người đồng thời, đồng liêu với mọi số tên Việt gian đại gian ác như Trần Bá Lộc, Trần Bá Thọ hoặc thứ tay sai văn hóa kiểu Tôn Thọ Tường.

Họ cùng ra làm việc với thực dân (đó là một hạn chế) trong một thời điểm lịch sử như nhau, nhưng cái mức độ, cái nhiệt tình, cái khả năng có rất nhiều cách biệt. Sự tàn bạo dã man của cha con Trần Bá Lộc, Trần Tử Ca, Lê Phát Đạt là nỗi kinh hoàng của nhân dân miền Nam. Điều đó đã trở thành bản chất của những tên khát máu. Bọn này chỉ một thời gian ngắn đã trở nên trọc phú. Trái lại Trương Vĩnh Kí, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Trọng Quản, Nguyễn Văn Vinh và Hồ Biểu Chánh là những người đồng thời, đồng liêu, hoặc cận kề với các kẻ trên. Nhưng với các công trình văn hóa có khi đồ sộ, có lúc khiêm nhường, nhưng thật sự có đóng góp nhất định cho văn học Việt Nam của họ, thì chúng ta nên khách quan xem xét, nghiên cứu một cách khoa học. Bởi nó là vốn quý của dân tộc chúng ta.

Thật vậy, những gì người trước *làm ra* là làm ra chứ nào đâu họ có muốn để lại cho người sau đâu. Nếu có, thì đó chỉ là một việc chẳng đáng dừng của một tất yếu lịch sử. Đã vậy, bên cạnh những nhà văn có mặt vào giai đoạn đầu ở miền Nam bao gồm một số lớn trí thức tiến bộ, trong số đó có một số người đã làm việc với Pháp và một số người chống Pháp, nhưng thất bại trước sự dã man và tráo trở của quân thù. Cuối cùng họ phải sống chung với “quân cướp nước và tay sai”, nhưng không vì vậy mà họ quay lưng hẳn với các lực lượng yêu nước và tiến bộ. Những khuôn mặt điển hình đạo đó ở miền Nam như Trương Duy Toàn, Trần Chánh Chiêu, Diệp Văn Cương, Đỗ Văn Y, Lê Hoàng Mưu, Nguyễn Bính ⁽¹⁾, Tân Dân Tử, Phạm Minh Kiên, nhất là Hồ Biểu Chánh. Các nhân vật này dù muốn, dù không đã vô tình “đăng kí chất xám” của họ vào thư tịch Việt Nam. Điều đó, chúng ta không thể nào phủ nhận. Phủ nhận có thể vì thiếu tài liệu hoặc vì một tị hiềm (tự tôn hay tự ti) nào đó, hoặc một nếp nhăn trong quá trình suy nghĩ của mỗi nhà nghiên cứu đều thiếu công bằng.

Về tiểu thuyết của các nhà văn miền Nam được khởi đi từ Nguyễn Trọng Quản đến Hồ Biểu Chánh là giai đoạn rục rờ nhất. Trước Cách mạng Tháng Tám, nhà phê

bình văn học Vũ Ngọc Phan cũng giành một số trang rất khiêm nhường cho mảng văn học chữ Quốc ngữ vào thời kì phôi thai ở miền Nam, nhưng dù thế nào chăng nữa thì Vũ Ngọc Phan cũng không thể nào không nhắc đến Hồ Biểu Chánh. Gần đây hơn (1974) ông Phan Cự Đệ, một nhà phê bình văn học cũng phải công nhận phần đóng góp của Hồ Biểu Chánh, ông viết: “Điều đáng quý là có lúc Hồ Biểu Chánh đã đề cao được tinh thần phản kháng của người lao động (...) Hồ Biểu Chánh đã tập trung mũi dùi đả kích vào bọn địa chủ, quan lại phong kiến”⁽¹⁾ chứ cũng không nhắc đến thời điểm của sự hình thành đầu tiên của tiểu thuyết ở miền Nam.

Nhận xét trên của tác giả “*Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*” chứng tỏ rằng, không nhiều thì ít tiểu thuyết thời kì đầu ở Nam bộ đã có một đóng góp nhất định vào lịch sử tiểu thuyết cận đại Việt Nam. Tuy nhiên với một số ý kiến lẻ tẻ đó, mọi người – trong đó có tác giả trên – vẫn cho rằng cái thời điểm Tố Tâm ra đời (1925) vẫn là một ranh giới nhất định cho tiểu thuyết hiện đại Việt Nam. Tác giả trên nhấn mạnh: “*Từ năm 1925 bắt đầu xuất hiện những cuốn tiểu thuyết Quốc ngữ đầu tiên: Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách, Quả dưa đỏ của Nguyễn Trọng Thuật*” (SDD). Do đó, khi viết lịch sử tiểu thuyết Việt Nam, tưởng thời điểm năm 1925 chỉ là cái mốc của sự hình thành tiểu thuyết Việt Nam điều cần suy nghĩ lại. Chính Hồ Biểu Chánh (1885 – 1958) cũng cho rằng ba tác phẩm “*Thầy Lazaro Phiền*” của Nguyễn Trọng Quản, “*Hoàng Tố Anh hàm Oan*” của Trần Chánh Chiếu, “*Phan Yên ngoại sử*” của Trương Duy Toàn là những tiểu thuyết viết bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên ở Nam kì. Và chính Hồ Biểu Chánh xem các tiểu thuyết trên đã khai sáng cho ông buổi đầu trong sự nghiệp sáng tác của mình.

Vì vậy, theo chúng tôi, có nên xem thời điểm năm 1925 là thời kì bắt đầu của tiểu thuyết hiện đại Việt Nam không?

III. CÁC TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM MỞ ĐƯỜNG

Giai đoạn đầu từ năm 1887 về sau tiểu thuyết viết bằng chữ Quốc ngữ ra đời ở miền Nam đã gây nên một tiếng vang lớn và chiếm được tình cảm nghệ thuật của đông đảo bạn đọc vào thời điểm đó. Sau đây là một số tác phẩm tiêu biểu nhất:

1. *Thầy Lazaro Phiền* của Nguyễn Trọng Quản (1865 – 1911) là một “Kim thời tiểu thuyết”. Sách do nhà xuất bản J.Linage, Libraire-Editeur, đường Catinat Sài Gòn xuất bản năm 1887, in lần đầu 3.000 cuốn.

2. *Phan Yên ngoại sử* (Tiết phụ gian truân) của Trương Duy Toàn (1885-1957) là một tiểu thuyết lịch sử. Sách viết về một giai đoạn lịch sử chiến tranh ở trấn Phan Yên xưa. Tác phẩm do F.H.Scheneider-Imprimerie, editeur, Sài Gòn xuất bản năm 1910.

3. *Hoàng Tố Anh hàm Oan* của Trần Thiên Trung (1867-1919) – hiệu bút của Trần Chánh Chiếu – là một tiểu thuyết phong tục. Sách xuất bản năm 1910, nhà in Phát Toán, Sài Gòn.

4. *Nghĩa hiệp kì duyên* (Chăng Cà Mum) cũng là một “Kim thời tiểu thuyết” tác giả Nguyễn Chánh Sắt (1869-1947), sách viết năm 1910, đến năm 1920 xuất bản và in trong sách “Thuộc Nhị thiên đường” tại Sài Gòn.

5. *Hà Hương phong nguyệt*: tác giả Lê Hoàng Mưu (1879-1941) tức Mộng Huê Lầu (chiết tự), sách viết và in năm 1915, nhà in L’Union Nguyễn Văn Của.

6. *Tô Huệ Nhi ngoại sử*: Kí Mộng Huê Lầu, người xuất bản là Đặng An Thân, in tại nhà in Imprimerie de l’Union 1920, Sài Gòn.

7. *Oán Hồng Quân* hay Phùng Kim Huê ngoại sử, tác giả Mộng Huê Lầu, người xuất bản Đặng An Thân, nhà in Imprimerie de l’Union năm 1922, Sài Gòn.

8. *Tiền Lê vận mạng*: tác giả Phạm Minh Kiên, nhà xuất bản Tín Đức Thư xã xuất bản năm 1925, Sài Gòn.

9. *Lê triều Lí thị*: tác giả Phạm Minh Kiên, nhà xuất bản Tín Đức Thư xã, 1926, Sài Gòn. Hai sách trên thuộc loại tiểu thuyết lịch sử viết về thời Tiền Lê và thời Lí trong lịch sử dân tộc.

10. *Bèo mây tan hiệp*: tác giả Phạm Minh Kiên, nhà xuất bản Tín Đức Thư xã, 1926, Sài Gòn. Đây là một tiểu thuyết xã hội.

11. *Giọt máu chung tình*: tác giả Tân Dân Tử, (1875-1955) nhà xuất bản Tín Đức Thư xã, Sài Gòn, năm 1926. sau này sách được tái bản đến lần thứ 9.

12. *Gia Long tẩu quốc*: tác giả Tân Dân Tử, xuất bản năm 1926.

13. *Gia Long phục quốc*: tác giả Tân Dân Tử, nhà xuất bản Tín Đức Thư xã xuất bản năm 1926, Sài Gòn.

Cả ba quyển trên đều là tiểu thuyết lịch sử, lấy bối cảnh vào cuối đời Chúa Nguyễn với các nhân vật lịch sử như Võ Tánh, Ngô Tùng Châu, Nguyễn Ánh, Hoàng Tử Cảnh làm nền cho tác phẩm.

14. *Tam Yên di hận*: tác giả Nguyễn Văn Vinh, (1885-1935). Sách do nhà in Vân Võ Văn xuất bản ở Bến Tre năm 1927. đây là một tiểu thuyết lịch sử viết về việc thực dân Pháp dùng những mảnh khóc gian trá để lần chiếm nước ta.

15. *Cô Lê trò Lí*: tác giả Nguyễn Văn Vinh, là một tiểu thuyết xã hội.

16. *Mẹ chồng nàng dâu*: tác giả Nguyễn Văn Vinh. Các sách trên đều xuất bản trước năm 1930.⁽¹⁾

Theo trên, chúng ta thấy rằng vào giai đoạn từ năm 1887, đến năm 1930 ở miền Nam đã hình thành được một số tiểu thuyết phương Tây. Phần lớn, các tiểu thuyết này đều dựa vào cấu trúc về nội dung, cũng như nghệ thuật hành văn đã thoát li hẳn nghệ thuật của cổ văn Trung Quốc. Chính Hồ Biểu Chánh đã cho rằng các tiểu thuyết này đã giúp ông rất nhiều trong việc dùng nghệ thuật ngôn từ của chữ Quốc ngữ để trình bày những mâu thuẫn xã hội và bộ mặt thật của người dân từ thành thị đến nông thôn.

IV. HỒ BIỂU CHÁNH, TIỂU THUYẾT GIA CÓ NHIỀU NÉT ĐẶC THÙ NAM BỘ.

Cùng với các nhà văn thường trú, làm báo, viết văn tại Sài Gòn, Hồ Biểu Chánh là một nhà văn sung sức nhất. Hồ Biểu Chánh làm quan, nên ông xê dịch nhiều nơi; nhất là các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Mỗi nơi ông đi qua đều có dấu ấn trong từng tác phẩm của mình. Trong các tác phẩm viết trước năm 1930, có các sách được xem là xuất sắc và gây được nhiều tình cảm độc giả nhất, có quyền in đến lần thứ 9. Loại này bao gồm các quyển:

1. *Ai làm được*: AI LÀM ĐƯỢC viết ở Cà mau năm 1912, đến năm 1922 được chỉnh lí, NXB Tín Đức Thư xã in. đến năm 1958, NXB Mai Hương ở Sài Gòn tái bản lần thứ tư.

2. CHÚA TÀU KIM QUI: sách viết năm 1922, trước năm 1945, xuất bản nhiều lần. Đây là một tiểu thuyết dã sử, mô phỏng theo truyện La comte de Monte – Cristo của Alexandre Dumas.

3. NHỜN TÌNH ẤM LẠNH: viết năm 1925, nhà in Tín Đức Thư xã Sài Gòn xuất bản, trọn bộ 8 quyển, trước năm 1945 đã in 5 lần.

4. TÌNH MỘNG: xuất bản năm 1923, trước năm 1945 in lần thứ 8.

5. CAY ĐẮNG MÙI ĐỜI: viết năm 1923, NXB Tín Đức Thư xã năm 1924, sách in lần thứ 9 (trước năm 1945). Trọn bộ gồm 2 quyển. Sách có bài tựa ngôn của Đặng Thúc Liêng. Đây là tiểu thuyết nổi danh nhất và có nhiều độc giả nhất của Hồ Biểu Chánh.

6. KẼ LÀM NGƯỜI CHỊU: viết năm 1928 ở Càng Long (Trà Vinh) nhà in Tín Đức Thư xã xuất bản năm 1928. Trước năm 1945 in lần thứ ba.

7. VÌ NGHĨA VÌ TÌNH: viết trước năm 1929, trước năm 1945 in ba lần. Sách này là phần tiếp theo của quyển KẼ LÀM NGƯỜI CHỊU.

8. NỢ ĐỜI: viết năm 1926, trước năm 1945, in 4 lần, sau năm 1954 nhà xuất bản Mỹ Phương ở Sài Gòn tái bản 5 lần.

9. CHA CON NGHĨA NẶNG: viết năm 1929, trước năm 1945 in ba lần. Sau năm 1954 NXB Tấn Phát Sài Gòn tái bản nhiều lần.

10. NGỌN CỎ GIÓ ĐÙA: xuất bản năm 1926, trước năm 1945 in 7 lần. Sau năm 1954 in lại nhiều lần. Sách phóng tác theo tiểu thuyết Les Misérables của Victor Hugo (Pháp). Đây là một tiểu thuyết tuy phóng tác, nhưng lại dùng bối cảnh lịch sử cận đại Việt Nam xảy ra ở Nam Kỳ.

Theo nhiều nhà nghiên cứu, đây là tác phẩm chiếm được cảm tình độc giả đông đảo nhất.

Hồ Biểu Chánh là một nhà văn sung sức nhất của miền Nam, gần 50 năm cầm bút, ông có hơn 60 bộ tiểu thuyết lớn nhỏ và một số truyện ngắn đăng rải rác trên các báo xuất bản ở Sài Gòn từ năm 1920 đến năm 1945. Bên cạnh đó Hồ Biểu Chánh còn là một nhà thơ có tài, một nhà viết tuồng hát bội, cải lương có nghệ thuật với nhiều bộ tuồng nổi tiếng được công diễn nhiều lần trên các sân khấu ở miền Nam trước đây.

Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh một thời đã làm mưa làm gió không những ở các thành phố mà độc giả ở các thôn ấp xa xôi vẫn say mê đọc không biết chán. Từ khi có mặt trên văn đàn toàn quốc, tiểu thuyết của ông có những nét mới rất thích hợp với cảm thụ nghệ thuật của đồng bào miền Nam nói riêng và hầu hết giới bình dân toàn quốc.

Về chủ đề nội dung, tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh luôn luôn đặt nặng cương thường đạo lí, danh dự con người, nhưng đạo lí, danh dự này không máy móc, cứng đờ của giới bảo thủ. Nhân vật trong các tác phẩm của ông đủ hạng người, nhưng phần lớn là từ giới trung lưu trở xuống. Nhất là “con nhà nghèo” chịu đủ “cay đắng mùi đời” và “nhơn tình ấm lạnh”. Thành phần này luôn luôn hiện hữu trong sáng tác phẩm của ông. Đây là một bức tranh hiện thực, đa dạng, giúp bạn đọc toàn quốc thấy rõ được bộ mặt thật của xã hội “miệt vườn” Nam Bộ... Đó là tách cách đa dạng phong phú, không những về chất lượng mà nghệ thuật ngôn từ, tình cảm, tâm lí của mỗi nhân vật được thể hiện một cách chân thành mà vẫn duyên dáng của những con người biết yêu sự thật, lẽ phải. Những điều đó thể hiện qua hàng loạt tác phẩm về mọi giới, mọi người ở miền Nam được ông trình bày bằng một vốn ngôn từ trong sáng, bình dị, khỏe khoắn của người dân lao động. Bởi vậy, tác phẩm của ông không những tạo nên một hiện tượng Hồ Biểu Chánh ở Nam Bộ, mà còn lan ra, miền Trung, miền Bắc giúp đồng bào toàn quốc dễ thông cảm, dễ thương yêu nhau hơn. Điều đó không có một người nào có thể phủ nhận được một tình thương yêu rộng lớn giữa tác giả và độc giả.

Như đã nói, nhân vật trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh phần lớn thuộc giai cấp trung lưu trở xuống, nhất là tình cảm của người lao động, người nghèo khổ. Do đó tình cảm của các nhân vật này rất gần với người bình dân, nên dễ gây thành một tình liên đới xã hội. Để so sánh hai nhà văn có mặt sớm nhất trên văn đàn Việt Nam vào thời tiểu thuyết mới bắt đầu manh nha (Hoàng Ngọc Phách – Hồ Biểu Chánh), Vũ Ngọc Phan viết: “Tiểu thuyết của họ Hoàng thiên về tả tình, giọng văn nhiều chỗ ủy mị, cầu kì, không tự nhiên; còn tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh thiên về tả việc và lời văn mạnh mẽ, giản dị nhiều chỗ như lời nói thường”.

Về nghệ thuật dựng truyện, Vũ ngọc Phan cũng nhấn mạnh: “Tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh là những tiểu thuyết đầy động tác, việc nọ việc kia dồn dập, gây cho người đọc những cảm tưởng kì thú. Nếu đọc tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh mà lại chê là kém mặt tả tình, và về tượng tượng không được dồi dào, thì thật không biết xét

nhận” (nhà văn hiện đại, N.X.B. Tân Dân, 1942, Hà Nội). Giá trị, thực chất và tác dụng của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh là vậy.

Được như thế, có lẽ là nhờ tính đặc thù và đại chúng của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Phần đóng góp của ông quả thật đáng kể đối với nền văn học Việt Nam. Dĩ nhiên phần đóng góp ấy vẫn có những hạn chế nhất định về thế giới quan và nhân sinh quan của ông, nhưng không vì vậy mà chúng ta có quyền phủ nhận tất cả công trình nghệ thuật của ông.

V. TÁC PHẨM

Hồ Biểu Chánh mất đi để lại một thư tịch rất phong phú, gồm nhiều thể loại:

1. Dịch thuật:

- Tân soạn cổ tích (cổ văn Trung Quốc – Sài Gòn – 1910)
- Lửa ngưng (ngún) thành linh (dịch tiếng Pháp – Sài Gòn – 1922).

2. Thơ:

- U tình lục (Sài Gòn - 1910)
- Vây mới phải (Long Xuyên – 1913)
- Biểu Chánh thi văn (Tập I,II,III – bản thảo)

3. Tùy bút Phê bình:

- Chương Hậu quân Võ Tánh (sh – 1926)
- Chánh trị giáo dục (Gò Công – 1938)
- Tùy bút thời đàm (Gò Công – 1948)

4. Hồi kí:

- Kí ức cuộc đi Bắc Kỳ (1941)
- Mấy ngày ở Bến Súc (1944)
- Đời của tôi
 1. Về quan trường
 2. Về văn nghệ
 3. Về phong trào cách mạng
- Một thiên kí ức: Nam kì cộng hòa tự trị (Gò Công – 1948)
- Tâm hồn tôi (Gò Công – 1949)
- Nhàn trung tạp kí (tập I,II,III - Gò Công – 1949)

5. Tuồng hát:

Hài kịch :- Tình anh em (Sài Gòn - 1922)

- Toại chí bình sinh (Sài Gòn – 1922)
- Đại nghĩa diệt than (Bến Súc – 1945)
- Hát bội*: - Thanh lệ kì duyên (Sài Gòn – 1926-1941)
- Công chúa kén chồng (Bình Xuân – 1945)
- Xả sanh thủ nghĩa (Bình Xuân – 1945)
- Trương Công Định qui thần (Bình Xuân – 1945)

Cải lương:

- Hai khối tình (Sài Gòn – 1943)
- Nguyệt Nga công Hồ (Sài Gòn – 1943)
- Vì nước vì dân (Gò Công – 1947)

6. *Đoản Thiên*:

- Chị Hai tôi (Vĩnh Hội – 1944)
- Thầy Chuna trúng số (Vĩnh Hội – 1944)
- Ngập ngừng (nt) – Một đóa hoa rừng (Vĩnh Hội – 1944)
- Hai Thà cưới vợ (nt) – Hai chồng (nt)
- Hai vợ (Sài Gòn – 1955) – Lòng dạ đàn bà (Sài Gòn – 1955)

7. *Truyện vắn*:

- Chuyện trào phúng, tập I,II (Sài Gòn – 1935)
- Chuyện lạ trên rừng (Bến Súc – 1945)
- Truyện kì lục (Gò Công – 1948)

8. *Biên khảo*:

- Pé tain cách ngôn, á đông triết lí hiệp giải (Sài Gòn – 1942)
- Gia Long khai quốc Võ Tướng (Sài Gòn – 1944)
- Gia Long khai quốc văn thần (Sài Gòn – 1942)
- Gia Định Tổng trấn (nt)
- Chân hưng văn học Việt Nam (Sài Gòn – 1944)
- Trung Hoa tiểu thuyết lược khảo (Sài Gòn – 1944)
- Đông Châu liệt quốc chí bình nghị (Bến Súc – 1945)
- Tu dưỡng chỉ nam (Bến Súc – 1945)

- Pháp quốc tiểu thuyết lược khảo (Bình Xuân – 1945)
- Một lần chánh khí: Văn Thiên Tường (Bình Xuân – 1945)
- Âu Mỹ cách mạng sử (Gò Công – 1948)
- Việt ngữ bốn nguyên (nt – 1948)
- Thành ngữ tạp lục (nt – 1948)
- Phật tử tu tri (nt)
- Nho học danh thơ (nt)
- Thiên môn chư Phật (nt – 1949)
- Địa dư đại cương (nt)
- Hoàng cầu thông chí (nt)
- Phật giáo cảm hóa Trung Hoa (1950)
- Phật Giáo vào Việt Nam (1950)
- Trung Hoa cao sĩ, ẩn sĩ, xú sĩ (1951)
- Nho giáo tinh thần (1951)

9. *TIỂU THUYẾT:*

- | | |
|---|------------|
| 1. Ai làm được (Cà Mau 1912) | - in 5 lần |
| 2. Chúa tàu Kim qui (Sài Gòn – 1922) | - in 4 lần |
| 3. Cay đắng mùi đời (Sài Gòn – 1923) | - in 9 lần |
| 4. Tỉnh mộng (Sài Gòn – 1923) | - in 8 lần |
| 5. Một chữ tình (Sài Gòn – 1923) | - in 3 lần |
| 6. Nam cực tinh huy (Sài Gòn – 1924) | - in 2 lần |
| 7. Ngon tình ấm lạnh (Sài Gòn – 1925) | - in 5 lần |
| 8. Tiền bạc, bạc tiền (Sài Gòn-1925) | - in 3 lần |
| 9. Thầy Thông ngôn (Sài Gòn-1926) | - in 2 lần |
| 10. Ngọn cỏ gió đùa (Sài Gòn-1926) | - in 7 lần |
| 11. Chút phận linh đình (Sài Gòn-1928) | - in 4 lần |
| 12. Kẻ làm người chịu (Cần Long – 1928) | - in 3 lần |
| 13. Vì nghĩa vì tình (CL – 1929) | - in 3 lần |
| 14. Cha con nghĩa nặng (CL – 1929) | - in 3 lần |
| 15. Khóc thầm (CL – 1929) | - in 2 lần |

- | | |
|--|------------|
| 16. Nặng gánh cang thường (CL – 1930) | - in 3 lần |
| 17. Con nhà nghèo (CL – 1930) | - in 3 lần |
| 18. Con nhà giàu (CL – 1931) | - in 3 lần |
| 19. Ở theo thời (Sài Gòn – 1935) | - in 2 lần |
| 20. Ông Cũ (Sài Gòn – 1935) | - in 2 lần |
| 21. Một đời tài sắc (Sài Gòn – 1935) | - in 3 lần |
| 22. Cười gượng (Sài Gòn – 1935) | - in 3 lần |
| 23. Dây oan (Sài Gòn – 1935) | - in 3 lần |
| 24. Thiệt giả, giả thiệt (Sài Gòn – 1935) | - in 2 lần |
| 25. Nợ đời (Vĩnh Hội –1936) | - in 4 lần |
| 26. Đóa hoa tàn (Vĩnh Hội –1936) | -in 2 lần |
| 27. Lạc đường (Vĩnh Hội –197) | -in 3 lần |
| 28. Từ hôn (Vĩnh Hội –1937) | - in 3 lần |
| 29. Tân Phong nữ sĩ (Vĩnh Hội –1937) | -in 1 lần |
| 30. Lời thề trước miếu (Vĩnh Hội –1938) | -in 3 lần |
| 31. Tại tôi (Vĩnh Hội –1938) | -in 2 lần |
| 32. Bỏ chồng (Vĩnh Hội –1938) | - in 1 lần |
| 33. Bỏ vợ (Vĩnh Hội –1938) | - in 1 lần |
| 34. Ý và tình (Vĩnh Hội –1938 –1942) | - in 1 lần |
| 35. Người thất chí (Vĩnh Hội –1938) | - in 2 lần |
| 36. Tìm đường (Vĩnh Hội –1939) | - Chưa in |
| 37. Hai khối tình (Vĩnh Hội –1939) | - in 1 lần |
| 38. Đoạn tình (Vĩnh Hội –1940) | - in 1 lần |
| 39. Ái tình miếu (Vĩnh Hội –1941) | - in 1 lần |
| 40. Cư Kinh (Vĩnh Hội –1941) | - in 1 lần |
| 41. Mẹ ghẻ con ghẻ (Vĩnh Hội –1943) | - in 1 lần |
| 42. Bức thơ hối hận (Gò Công –1953) | - in 1 lần |
| 43. Trọn nghĩa vẹn tình (Gò Công –1953) | - Chưa in |
| 44. Nặng bầu ân oán (Gò Công – 1954) | - Chưa in |
| 45.Đổ Nương Nương báo oán (Sài Gòn – 1954) | - in 2 lần |

- | | |
|--|--------------|
| 46. Hai chồng (Sài Gòn – 1955) | - chưa in |
| 47. Hai vợ (Sài Gòn – 1955) | - in 1 lần |
| 49 ? | |
| 48. Lá rụng hoa rơi (Sài Gòn – 1955) | - in 1 lần |
| 50. Đại nghĩa diệt thân (Sài Gòn – 1955) | - chưa in |
| 51. Trả nợ cho cha (Sài Gòn – 1956) | - chưa in |
| 52. Những điều nghe thấy (Sài Gòn – 1956) | - chưa in |
| 53. Ông Cả Bình Lạc (Sài Gòn – 1956) | - chưa in |
| 54. Một duyên hai nợ (Sài Gòn – 1956) | - chưa in |
| 55. Vợ già chồng trẻ (Phú Nhuận – 1957) | - in 1 lần |
| 56. Trong đám cỏ hoang (Phú Nhuận – 1957) | - chưa in |
| 57. Hạnh phúc lỗi nào (nt – 1957) | - Chưa in |
| 58. Sống thác với tình (nt – 1957) | - in một lần |
| 59. Nợ tình (nt – 1957) | - chưa in |
| 60. Đón gió mới, nhắc chuyện xưa (nt – 1957) | - chưa in |
| 61. Nợ trái oan (nt – 1957) | - chưa in |
| 62. Chị Đào, chị Lí (nt – 1957) | - chưa in |
| 63. Tắt lửa lòng (nt – 1957) | - chưa in |
| 64. Lấy lòng hào khí (nt – 1958) | - chưa in |

Trên đây là bản thư mục do chính tác giả viết trước khi từ trần mà chúng tôi tham khảo để giới thiệu nơi bài viết này.

Phần đóng góp của Hồ Biểu Chánh vào nền học thuật Việt Nam quả thật vô cùng phong phú. Điều này không một nhà nghiên cứu nào có thể phủ nhận được. Phủ nhận chỉ làm cho văn học thêm nghèo hơn trong một nền văn học còn thiếu vắng nhiều khuôn mặt như Hồ Biểu Chánh.

10.1989

Nguồn: „Mấy vấn đề học thuật Việt Nam“, NXB Văn Học, 1995.

In lại trong “Hồ Biểu Chánh – người mở đường cho tiểu thuyết Việt Nam hiện đại”
Nhà xuất bản Văn Nghệ , 2006.